

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 11 - 2018.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Giáo Khoa;
2. Bà Trần Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX- ST ngày 12 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh T - Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị D – Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

NỘI D V U Á N:

** Nguyên đơn anh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị D sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính, thường xuyên cãi vã. Sự việc kéo dài và từ tháng 7 năm 2015, chị D bỏ đi khỏi địa phương, không biết đi đâu. Anh T yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, đến nay đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm nhưng chị D không có mặt. Anh T nhận thấy tình cảm đã hết, trên thực tế hai bên xa nhau đã lâu nên yêu cầu được ly hôn chị D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Đ – sinh ngày 29/6/2008. Từ khi hai bên xa nhau, con chung do anh T nuôi dưỡng. Nay, anh T yêu cầu anh tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- T sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị D vắng mặt tại nơi cư trú từ năm 2015, đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, đến nay chị D vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa không tiến hành hoà giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập T liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T; giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con; không giải quyết T sản chung vì đương sự không yêu cầu; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các T liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị D bỏ nhà đi khỏi địa phương từ tháng 7 năm 2015 đến nay, không biết đi đâu. Vào ngày 05/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa ban hành Quyết định số 03/2018/QĐST – VDS chấp nhận yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú và ban hành Thông báo tìm kiếm số 03/2018/TB thông báo tìm kiếm chị D. Đến nay, đã hết thời hạn thông báo mà chị D vẫn không có mặt tại Tòa. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án “Xin ly hôn” giữa anh T và chị D theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục triệu tập chị D đến Tòa, nhưng chị D vắng mặt. Như vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 19 tháng 7 năm 2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị D có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Sự việc kéo dài và hai bên đã tự xa nhau từ tháng 7/2015 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T, chị D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T: Anh T được ly hôn chị D.

[3] Về con chung: Xét từ khi hai bên xa nhau (tháng 7/2015) con chung Đ do anh T nuôi dưỡng. Cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh T.

Do đó, để cháu Đ phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận yêu cầu của anh T: Giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T là công nhân, có sức khỏe, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc chị D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về T sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh T: Anh T được ly hôn chị Chị D.

2. Con chung:

Giao con chung tên Đ – sinh ngày 29/6/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại phiếu thu số 0008975 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ